TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY
Địa chỉ: Số 45 đường 3 tháng 2, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ Tel: 0292.3830353
Add: No 45, 3/2 Street, Ninh Kieu Ward, Cantho City Website: catech.vn
Email: catech@cantho.gov.vn

VILAS 086

Số:13375/TP/5181/1026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 28/10/2026
Trang: 1/2

1. Tên mẫu : Nước uống đóng chai Việt Úc (Tại Chi nhánh Sản xuất Kinh doanh nước uống đóng chai Việt Úc)
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu khoảng 05 lít (01 bình)
3. Ngày nhận mẫu : 07/10/2026
4. Mô tả mẫu : Mẫu đựng trong bình nhựa
5. Ngày thử nghiệm : Từ 07/10/2026 đến 19/10/2026
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG**
Số 02 Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long
7. Lưu mẫu : Không ☑ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu,TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc số 5181TP

CTY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG
ĐẾN Số: 2681/CV
Ngày: 28/10/26
Chuyển: .....
Lưu hồ sơ số: QLCL

- Lấy mẫu theo: HD 5.7 - QT - 84
- Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
- Thời gian và địa điểm: 10h15 ngày 07/10/2026 tại Chi nhánh Sản xuất Kinh doanh nước uống đóng chai Việt Úc - Số 54 Nguyễn Huệ, P. Long Châu, tỉnh Vĩnh Long.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
1	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha (α) (ISO)	Bq/L	TCVN 8879:2011	KPH (MDL = 0,024)	0,5
2	Tổng hoạt độ phóng xạ beta (β) (ISO)	Bq/L	TCVN 8879:2011	KPH (MDL = 0,027)	1
3	Hàm lượng Antimon (Sb) (ISO)	mg/L	US.EPA Method 200.8	0,0015	0,02
4	Hàm lượng Asen (As) (ISO)	mg/L	US.EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,001)	0,01
5	Hàm lượng Bari (Ba) (ISO)	mg/L	US.EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)	0,7
6	Hàm lượng Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B) (ISO)	mg/L	US.EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,04)	0,5
7	Hàm lượng Bromat (ISO)	µg/L	TCVN 9243:2012	KPH (MDL = 2)	10
8	Hàm lượng Cadimi (Cd) (ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0005)	0,003

Ghi chú: - (ISO): chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025; - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - (a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử; Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra; - (*) theo QCVN 6-1:2010/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai; - (A) Nếu số vi khuẩn (bào tử) ≥ 1 và ≤ 2 thì tiến hành kiểm tra lần thứ 2, nếu số vi khuẩn (bào tử) > 2 thì loại bỏ; (B) Không phát hiện được trong bất kỳ mẫu nào; - Xem tiếp trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM HÓA SINH

Nguyễn Hữu Thịnh

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

Nguyễn Chí Tâm

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng *Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.*
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. *This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.*

Số:13375/TP/5181/1026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 28/10/2026

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
9	Hàm lượng Clo (ISO)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	KPH (MDL = 0,05)	5
10	Hàm lượng Clorat (ISO)	mg/L	TCVN 6494-4:2000	KPH (MDL = 0,01)	0,7
11	Hàm lượng Clorit (ISO)	mg/L	TCVN 6494-4:2000	KPH (MDL = 0,01)	0,7
12	Hàm lượng Crom tổng (Cr) (ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0033)	0,05
13	Hàm lượng Đồng (Cu) (ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)	2
14	Hàm lượng Cianua (CN^-) (ISO)	mg/L	SMEWW 4500-CN^-.C&E:2023	KPH (MDL = 0,002)	0,07
15	Hàm lượng Florua (F^-) (ISO)	mg/L	SMEWW 4500 F^-.B&D:2023	KPH (MDL = 0,14)	1,5
16	Hàm lượng Chì (Pb) (ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,001)	0,01
17	Hàm lượng Mangan (Mn) (ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)	0,4
18	Hàm lượng Thủy ngân (Hg) (ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0002)	0,006
19	Hàm lượng Molypden (Mo) (ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,001)	0,07
20	Hàm lượng Niken (Ni) (ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,003)	0,07
21	Hàm lượng Nitrat (NO_3^-) (tính theo N) (ISO)	mg/L	SMEWW 4500-NO_3^- B:2023	0,41	50
22	Hàm lượng Nitrit (NO_2^-) (tính theo N) (ISO)	mg/L	SMEWW 4500-NO_2^- B:2023	KPH (MDL = 0,003)	3
23	Hàm lượng Selen (Se) (ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,002)	0,01
24	Coliform (ISO)	CFU/250mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1[a]	(A)
25	Escherichia coli (ISO)	CFU/250mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1[a]	(B)
26	Vi khuẩn đường ruột (Streptococci feacal) (ISO)	CFU/250mL	ISO 7899-2:2000	< 1[a]	(A)
27	Pseudomonas aeruginosa (ISO)	CFU/250mL	ISO 16266:2006	< 1[a]	(A)
28	Bào tử vi khuẩn kị khí khử sulfit (ISO)	CFU/50mL	TCVN 6191-2:1996	< 1[a]	(A)

CATECH

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng *Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.*
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. *This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.*